

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 32 /2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Phần A Quy định mức khen thưởng và một số chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thi đấu các giải thể thao, ban hành kèm theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg, ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL, ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg, ngày 06/6/2011;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1583/TTr-SVHTTDL, ngày 03/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phần A Quy định mức khen thưởng và một số chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thi đấu các giải thể thao, ban hành kèm theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND, ngày 04/9/2012 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phần A như sau:

“A. TIỀN THƯỞNG

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích									Ghi chú
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Giải phong cách	Phá kỷ lục	Trận thắng	Trận hòa	Trụ hạng	Thắng hạng	
		THI ĐẤU GIẢI QUỐC GIA									
I		Giải cá nhân									
1	Vô địch Đại hội TDTT	15	10	8		8					
2	Vô địch quốc gia	6	4	3		6					
3	Vô địch trẻ quốc gia; Vô địch cúp quốc gia;	3	2	1.5		3					

	Giải quốc tế mở rộng.										
	Vô địch trẻ các lứa tuổi (thanh thiếu niên)	2	1	0,8							
4	Hội thi thể thao Môn thể thao quần chúng	2	1	0,8							
6	Giải Khu vực	1	0,6	0,4							
II	Giải đôi, đồng đội										
1	Giải vô địch Đại hội	15 x số lượng	10 x số lượng	8 x số lượng		10 x số lượng					
2	Giải vô địch quốc gia	3 x số lượng	2 x số lượng	1.5 x số lượng		3 x số lượng					
3	Vô địch trẻ quốc gia; Vô địch cúp quốc gia; Giải quốc tế mở rộng; Vô địch thể thao quần chúng	1.5 x số lượng	1 x số lượng	0,75 x số lượng		1.5 x số lượng					
	Vô địch các lứa tuổi; Hội thi thể thao.	1 x số lượng	0,8 x số lượng	0,6 x số lượng							
4	Giải khu vực	0,5 x số lượng	0,3 x số lượng	0,2 x số lượng							
III	Môn tập thể										Theo danh sách thực tế số người đăng ký tham gia giải
1	Giải bóng đá										
	Giải Hạng nhì QG					40/ trận	20/trận			300	
	Giải Hạng nhất QG và Cúp QG					120/trận	60/trận	12/ người		25/ người	
	Từ 18 tuổi đến 21 tuổi; Giải Quốc tế mở rộng;	4 x số lượng	2.5 x số lượng	1.5 x số lượng							
	Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	2.5 x số lượng	1.5 x số lượng	1.0 x số lượng							
	Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	2 x số lượng	1 x số lượng	0,8 x số lượng							
	Dưới 12 tuổi; Hội thi thể thao; Giải khu vực.	1.5 x số lượng	0,8 x số lượng	0,6 x số lượng							

2	Giải bóng chuyền										Áp dụng cho tập thể
	Giải bóng chuyền hạng A						- Vòng loại: 10 - Bán kết: 15 - Chung kết: 20			100	
	Giải các đội mạnh						- Vòng loại: 30 - Bán kết: 40 - Chung kết: 60		200		
	Từ 18 tuổi đến 21 tuổi;	3 x số lượng	2 x số lượng	1.5 x số lượng							
	Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	2.5 x số lượng	1.5 x số lượng	1.0 x số lượng							
	Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	2 x số lượng	1 x số lượng	0,8 x số lượng							
	Giải khu vực; Hội thi thể thao	2 x số lượng	1 x số lượng	0,8 x số lượng							
IV	Giải toàn đoàn										
1	Giải Đại hội	10	8	6							
2	Giải vô địch	6	4	3							
3	Giải trẻ, hội thi thể thao, giải cúp, giải khu vực; Giải thể thao quần chúng, Quốc tế mở rộng.	4	3	2							
THI ĐẤU GIẢI VÔ ĐỊCH TỈNH											
I	Giải cá nhân	1.5	1.2	1							
II	Giải đôi	2	1.6	1.4							
III	Đồng đội	2.5	2	1.5							
IV	Toàn đoàn										
1	Bóng đá	6	5	4	3						
2	Bóng chuyền, bóng đá mìn nỉ, bóng rổ, bóng ném, Hội thi thể thao dân tộc; Việt dã.	5	4	3	3						
3	Các môn khác	4	3	2							
	THI ĐẤU CÁC GIẢI TRẺ TỈNH		Mức thưởng bằng 60% mức thưởng giải vô địch tỉnh								

a) Đối với những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo VĐV thi đấu đạt thành tích thì mức thưởng được tính bằng mức thưởng đối với VĐV (bằng tổng số huy

chương của VĐV đạt được tại giải). Trong đó huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được hưởng 30% (trong 02 năm kể từ ngày chuyển giao), huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện thi đấu được hưởng 70%.

b) Trường hợp không trụ hạng thì không thưởng cho các trận hòa được áp dụng đối với Giải Hạng nhì quốc gia; Giải Hạng nhất quốc gia và Cúp quốc gia.”

2. Mức thưởng quy định tại Khoản 1, điều này không bao gồm các khoản thưởng đột xuất của UBND tỉnh và các khoản khuyến khích từ xã hội hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, các điều khoản khác thực hiện theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND, ngày 04/9/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*2/*

Nơi nhận: *lly*

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ VHTT & DL;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thể dục Thể thao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Kho bạc Nhà nước;
- Đài PTTH Đắk Lắk, Báo Đắk Lắk;
- WebSite tỉnh-, TT Công báo tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, TCTM;
- Lưu: VT, VHXH. (T.50)



lly
Hoàng Trọng Hải